

Số: 3385 /QĐ-UBND

Bình Định, ngày 12 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 20/3/2023 của Ban thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 148/NQ-CP của Chính phủ)

Căn cứ Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 20/3/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 3026/SXD-QLN&PTĐT ngày 08 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Điều 2. Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Kế hoạch; thường xuyên theo dõi việc thực hiện; kịp thời tham mưu đề xuất, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Xây dựng (b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- LĐ+CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K14.

Ch

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tự Công Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 20/3/2023
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày
24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển
bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Thông nhất trong công tác chỉ đạo và tổ chức nghiên cứu thực hiện hiệu quả các nội dung của Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc xây dựng hệ thống các đô thị tỉnh Bình Định phát triển bền vững, là động lực quan trọng, là hạt nhân trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp theo lộ trình cụ thể đã nêu tại Chương trình hành động số 21-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết số 148/NQ-CP của Chính phủ.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực trên toàn tỉnh, có tính liên kết với cả vùng, khu vực và cả nước. Quy hoạch và quản lý quy hoạch đô thị có tính bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu. Kết cấu hạ tầng của đô thị, nhất là hạ tầng kỹ thuật khung và hạ tầng xã hội thiết yếu được xây dựng và phát triển đồng bộ, hiện đại. Kinh tế khu vực đô thị tăng trưởng nhanh, hiệu quả và bền vững. Chất lượng sống tại đô thị ở mức trung bình khá đến cao, đáp ứng cơ bản nhu cầu về nhà ở và hạ tầng xã hội cho cư dân đô thị. Phát triển kiến trúc đô thị hiện đại, xanh, thông minh, giàu bản sắc, các yếu tố văn hóa đặc trưng được giữ gìn và phát huy.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến năm 2025 đạt trên 55%, đến năm 2030 đạt trên 60%.

- Số lượng đô thị trên toàn tỉnh đến năm 2025 có khoảng 22 đô thị (01 đô thị loại I, 02 đô thị loại III, 01 đô thị loại IV, 18 đô thị loại V). Đến năm 2030 có khoảng 21 đô thị (01 đô thị loại I, 02 đô thị loại III, 02 đô thị loại IV, 16 đô thị loại V).

- Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đến năm 2025 đạt trên 1,5%, đến năm 2030 đạt trên 1,9%.

- Đến năm 2025 tất cả các đô thị có quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị; 100% đô thị loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng về y tế, giáo dục - đào tạo và công trình văn hoá cấp đô thị.

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đến năm 2025 đạt trên 11%, đến năm 2030 đạt trên 16%.

- Diện tích cây xanh đô thị bình quân trên mỗi người dân đến năm 2025 đạt 6m², đến năm 2030 đạt 10m².

- Tỷ lệ người dân đô thị sử dụng nước sạch tập trung đến năm 2025 đạt trên 90%, đến năm 2030 đạt trên 95%.

- Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đến năm 2025 đạt tối thiểu 28m², đến năm 2030 đạt tối thiểu 33m².

- Đến năm 2025, hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình tại đô thị, phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại thông minh; đến năm 2030 hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình tại đô thị.

- Đến năm 2025, tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%. Đến năm 2030, tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử đạt 80%.

- Kinh tế khu vực đô thị đóng góp vào GRDP của tỉnh đến năm 2025 đạt khoảng 75% và đến năm 2030 đạt khoảng 85%.

3. Tầm nhìn đến năm 2045: Tỷ lệ đô thị hóa tỉnh Bình Định thuộc nhóm cao của khu vực miền Trung. Hình thành chuỗi đô thị phía Nam trở thành vùng đô thị động lực của vùng kinh tế duyên hải miền Trung và Tây Nguyên với hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phát triển đồng bộ theo hướng hiện đại thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo hài hòa các tiêu chí về đô thị hiện đại, thông minh, xanh và giàu bản sắc, mang nét đặc thù riêng của vùng đô thị ven biển.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tập trung tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ cụ thể tại **Phụ lục số I** và **Phụ lục số II** kèm theo, với 07 nhóm nhiệm vụ chủ yếu như sau:

1. Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị;

2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát triển đô thị bền vững;

3. Tập trung xây dựng, phát triển hệ thống đô thị toàn tỉnh bền vững và đồng bộ;

4. Nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững;

5. Phát triển hệ thống nhà ở, hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu;

6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị và chất lượng cuộc sống đô thị, đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh, an toàn và trật tự đô thị;

7. Phát triển kinh tế khu vực đô thị.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Chương trình hành động số 21-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch thực hiện của UBND tỉnh đến các tổ chức, cơ quan, nhân dân trên địa bàn tỉnh; Căn cứ nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu và các nhiệm vụ được phân công trong Kế hoạch này, tập trung chỉ đạo, tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch. Chủ động lồng ghép các quan điểm chỉ đạo, các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 148/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động số 21-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các nhóm nhiệm vụ, giải pháp đã nêu tại Kế hoạch này trong các đề án quy hoạch, đề án, chương trình, kế hoạch và các dự án đầu tư xây dựng có liên quan để tổ chức thực hiện thành công các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

2. Sở Xây dựng:

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và địa phương điều phối, kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu theo yêu cầu của Chương trình hành động số 21-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các chỉ tiêu cụ thể đã đề ra trong Kế hoạch này; tổng hợp các kiến nghị, đề xuất để báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Đầu mối tổ chức nghiên cứu hướng dẫn việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch; Định kỳ báo cáo, đề xuất, kiến nghị các biện pháp cần thiết đảm bảo việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển đô thị theo Kế hoạch cho từng giai đoạn đến năm 2025 và năm 2030.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh bố trí nguồn vốn đầu tư công để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch trên cơ sở đề nghị của các sở, ban, ngành và địa phương có nhiệm vụ được phân công theo Kế hoạch.

- Tổ chức xúc tiến đầu tư, kêu gọi thu hút các nguồn vốn ngoài ngân sách để đầu tư phát triển bền vững đô thị theo Kế hoạch.

4. Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh:

- Quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có liên quan phải tuân thủ các mục tiêu được đề ra tại Mục II Kế hoạch này.

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao hướng dẫn, đôn đốc các địa phương, doanh nghiệp, đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh biện pháp tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra của Kế hoạch. Phối hợp với Sở Xây dựng trong công tác điều phối, kiểm tra, đôn đốc, giám sát; tổng hợp các kiến nghị, đề xuất để báo cáo cấp có thẩm quyền.

5. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ được đề ra tại Kế hoạch, xây dựng chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể của địa phương mình theo đúng tiến độ và phân công chi tiết các nhiệm vụ; cụ thể hoá các chỉ tiêu, nhiệm vụ vào kế hoạch hàng năm và theo từng giai đoạn.

- Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt các quy hoạch phải tuân thủ các quy định của pháp luật, các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch; đồng thời phù hợp với tinh thần của Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 148/NQ-CP của Chính phủ, Chương trình hành động số 21-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện. Ưu tiên thực hiện lập quy hoạch, chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị.

6. Trong quá trình thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung, các sở, ngành, địa phương chủ động đề xuất, gửi Sở Xây dựng tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục I
CHỈ TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cần đạt được		Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
			Đến năm 2025	Đến năm 2030	
1	Tỷ lệ đô thị hoá toàn tỉnh	%	≥ 55	≥ 60	Sở Xây dựng
2	Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên	%	≥ 1,5	≥ 1,9	Sở Xây dựng
3	Số lượng đô thị toàn tỉnh	đô thị	22	21	Sở Xây dựng
4	Tỷ lệ phủ kín quy hoạch chung, quy hoạch phân khu	%	100	100	Sở Xây dựng
5	Số lượng đô thị từ loại III trở lên hoàn thiện tiêu chí phân loại đô thị về cơ sở hạ tầng đô thị, nhất là hạ tầng y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị	đô thị	2	3	Sở Xây dựng
6	Tỷ lệ đô thị hiện có và đô thị mới có chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết và phát triển đô thị	%	100	100	Sở Xây dựng
7	Diện tích đất giao thông trên đất xây dựng đô thị	%	≥ 11	≥ 16	Sở Xây dựng
8	Diện tích đất cây xanh đô thị bình quân trên mỗi người dân đô thị	m ² /người	≥ 6	≥ 10	Sở Xây dựng
9	Diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị	m ² /người	≥ 28	≥ 33	Sở Xây dựng

10	Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch từ hệ thống tập trung	%	90	95	Sở Xây dựng
11	Tỷ lệ phủ kín hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đến các hộ gia đình	%	80	100	Sở Thông tin và Truyền thông
12	Tỷ lệ dân số trưởng thành tại đô thị có tài khoản thanh toán điện tử	%	50	80	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tại Bình Định
13	Đóng góp kinh tế khu vực đô thị vào GRDP cả tỉnh	%	75	85	Sở Kế hoạch và Đầu tư
14	Hình thành chuỗi đô thị phía Nam tỉnh; chuỗi đô thị đầm Đề Gi	Chuỗi đô thị	0	2	Sở Xây dựng

Phụ lục II
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

TT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn hoàn thành
I	Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị			
1	Thường xuyên, định kỳ tổ chức tuyên truyền Nghị quyết 06-NQ/TW, Nghị quyết số 148 của Chính phủ và Chương trình hành động số 21-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua chương trình, phóng sự, tin bài và Kế hoạch này	Sở Thông tin và Truyền thông	Đài phát thanh truyền hình; Báo Bình Định, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Định kỳ hàng năm
2	Quán triệt sâu rộng các nội dung của Nghị quyết 06-NQ/TW, Nghị quyết 148/NQ-CP và Chương trình hành động số 21-CTr/TW ngày 20/3/2023 của Tỉnh ủy trong toàn thể đội ngũ đảng viên, công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan, đơn vị mình	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Cơ quan báo, đài	Thường xuyên
3	Tổ chức hội nghị phổ biến nội dung Chương trình hành động số 21-CTr/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các văn bản của Trung ương có liên quan và Kế hoạch này	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Tháng 10/2023
II	Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát triển đô thị bền vững			
4	Tiếp tục tham gia góp ý để góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật về đất đai, đầu tư, quy hoạch, phát triển đô thị, kiến trúc, xây dựng đảm bảo tính minh bạch, thống nhất, loại bỏ các mâu thuẫn, chông chéo	Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành và địa phương	Thường xuyên và khi có yêu cầu của Trung ương
5	Xây dựng quy định về cơ chế hỗ trợ, ưu đãi nhà đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Các Sở: TC, TN&MT, KH&ĐT	Năm 2023

6	Đề xuất giải pháp cải tạo chung cư cũ và nhà cho thuê hết niên hạn sử dụng có dấu hiệu xuống cấp	Sở Xây dựng	Các Sở: TC, TN&MT, KH&ĐT	Năm 2025
7	Đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển đô thị gắn với nâng cao trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức về quản lý đô thị	Sở Xây dựng	Sở Nội vụ; UBND các huyện, thị xã, thành phố đề xuất nhân sự tham gia đào tạo hàng năm	Hàng năm theo nhu cầu từ địa phương
8	Đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ công ích đô thị	Sở Xây dựng	Các sở, ngành, UBND cấp huyện có liên quan	Hàng năm đến 2030
III	Tập trung xây dựng, phát triển hệ thống đô thị toàn tỉnh bền vững và đồng bộ			
9	Đề xuất giải pháp hình thành chuỗi đô thị phía Nam tỉnh trở thành vùng đô thị động lực cho cả tỉnh	Sở Xây dựng	Các Sở: GTVT, TC, KH&ĐT, UBND thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn, huyện Phù Cát, Tuy Phước, Vân Canh	Hàng năm đến 2030
10	Đề xuất giải pháp hình thành chuỗi đô thị ven biển với đặc thù kinh tế biển gắn với dịch vụ du lịch, hậu cần nghề cá, phát triển nuôi, trồng thủy hải sản và chế biến với công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, lấy đầm Đề Gi là trung tâm	Sở Xây dựng	Ban QL KKT, UBND huyện Phù Cát, Phù Mỹ	Hàng năm đến 2030
11	Rà soát, điều chỉnh chương trình phát triển đô thị Hoài Nhơn đến năm 2035 là trung tâm động lực vùng, cực tăng trưởng phía Bắc của tỉnh gắn với khu liên hợp gang thép Long Sơn	UBND thị xã Hoài Nhơn	Các sở: XD, KH&ĐT, TC, GTVT, NN & PTNT, CT	Năm 2024
12	Nâng loại thị xã Hoài Nhơn đạt tiêu chí đô thị loại III	UBND thị xã Hoài Nhơn	Các sở, ban, ngành có liên quan	Năm 2025
13	Nâng loại huyện Tây Sơn đạt tiêu chí đô thị loại IV	UBND huyện Tây Sơn	Các sở, ban, ngành có liên quan	Năm 2024

14	Nâng loại huyện Tuy Phước đạt tiêu chí đô thị loại IV	UBND huyện Tuy Phước	Các sở, ban, ngành có liên quan	Giai đoạn năm 2025 ÷ 2029
15	Hình thành các đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V đến năm 2025: Mỹ Thành, Phước Sơn, Canh Vinh	UBND các huyện: Phù Mỹ, Tuy Phước, Vân Canh	Các sở, ban, ngành có liên quan	Năm 2025
16	Hình thành các đô thị đạt tiêu chí đô thị loại V đến năm 2030: Mỹ An, Cát Hanh, Ân Tường Tây	UBND các huyện: Phù Mỹ, Hoài Ân, Phù Cát	Các sở, ban, ngành có liên quan	Năm 2030
17	Hoàn thành quy chế quản lý kiến trúc đô thị cho các đô thị	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Xây dựng	Năm 2025
18	Rà soát chương trình phát triển đô thị cả tỉnh và từng đô thị gắn với việc thực hiện Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 25/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Phát triển các đô thị Việt Nam ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030”	Sở Xây dựng	Các sở, ngành và địa phương có liên quan	Giai đoạn năm 2023÷2025
19	Nghiên cứu, rà soát tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025, giai đoạn 2025-2030 nhằm xây dựng dựng cơ sở hạ tầng hoàn thiện các tiêu chí theo Nghị quyết 26/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với xã, huyện có trong kế hoạch nâng loại đô thị giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 trình UBND tỉnh ban hành	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện có liên quan	Hàng năm và khi có thay đổi cơ chế, chính sách từ Trung ương
IV	Nâng cao chất lượng quy hoạch đô thị đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý phát triển đô thị bền vững			
20	Tăng cường công tác phản biện và giám sát thực hiện quy hoạch đô thị theo hướng thực chất, thiết thực, hiệu quả	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội	Sở Xây dựng	Hàng năm

21	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu toàn tỉnh về quy hoạch phát triển đô thị; ứng dụng rộng rãi hệ thống thông tin địa lý (GIS) và công nghệ số, nền tảng số trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị	Sở Xây dựng	Sở Tài chính	Năm 2025
22	Số hóa dữ liệu liên quan đến các chỉ tiêu về: đô thị hóa, đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên, độ phủ quy hoạch, tỷ lệ đất giao thông trên đất đô thị, tỷ lệ diện tích cây xanh đô thị, tỷ lệ hạ tầng mạng thông tin viễn thông, tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch, tỷ lệ diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người và tỷ trọng kinh tế đô thị trên GRDP của tỉnh để thống nhất quản lý	Sở Thông tin và Truyền thông	Cục Thống kê; Các Sở, ngành, UBND các cấp có liên quan	Năm 2025
23	Hoàn thành việc rà soát, phủ kín quy hoạch chung, quy hoạch phân khu tại các đô thị	Sở Xây dựng	UBND các huyện, thị xã, thành phố (<i>tổ chức thực hiện</i>)	Năm 2025
24	Quy hoạch xây dựng Trung tâm hành chính mới của tỉnh tại Khu kinh tế tỉnh Bình Định	Sở Xây dựng, Ban Quản lý Khu kinh tế	Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố liên quan	Năm 2025
25	Đề xuất định hướng phát triển thành phố Quy Nhơn trở thành trung tâm văn hoá cấp vùng theo Nghị quyết của Trung ương	UBND TP Quy Nhơn; Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành có liên quan	Năm 2025
26	Tổ chức quy hoạch không gian ngầm, hệ thống công trình ngầm thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận	Sở Xây dựng; Ban Quản lý Khu kinh tế	UBND thành phố Quy Nhơn và các huyện có liên quan	Năm 2023
27	Rà soát khắc phục nhanh và triệt để việc thiếu tiêu chí của các đô thị đã được nâng loại và các đô thị dự kiến nâng loại	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Xây dựng	Năm 2025
V	Phát triển hệ thống nhà ở, hệ thống hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, liên kết, thích ứng với biến đổi khí hậu			
28	Lập đề án hoặc chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở dài hạn, trung	Sở Xây dựng	Các sở, ngành và địa phương	Năm 2024

	hạn và hàng năm đảm bảo các chỉ tiêu an sinh nhà ở đô thị, giải quyết cơ bản yêu cầu về nhà ở đô thị, mở rộng các loại hình nhà ở, trong đó diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người tại khu vực đô thị đạt tối thiểu 28 m ² vào năm 2025, đến năm 2030 đạt tối thiểu 33 m ²		có liên quan	
29	Rà soát bổ sung vào quy hoạch tỉnh các tuyến giao thông quan trọng, đảm bảo tính kết nối hệ thống các đô thị toàn tỉnh và các tuyến giao thông quốc gia đi qua địa bàn (quốc lộ, cao tốc, đường ven biển ...) nhằm khai thác tối đa lợi thế các tuyến giao thông huyết mạch	Sở Giao thông vận tải	Sở XD, TC, KH&ĐT	Hàng năm đến năm 2030
30	Xây dựng kế hoạch phát triển hạ tầng giao thông nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương theo Chương trình hành động số 21 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban và địa phương có liên quan	Năm 2023
31	Xây dựng đề án cấp nước sạch toàn tỉnh ưu tiên quy mô cấp vùng và liên vùng, không phân biệt đô thị và nông thôn, gắn với an ninh nguồn nước, tăng cường sử dụng nước mặt từ các hồ lớn của tỉnh, hạn chế sử dụng nước ngầm, từng bước thay thế các trạm cấp nước nhỏ lẻ hoạt động không hiệu quả, các trạm cấp nước không đạt chuẩn tại các đô thị hoặc các trạm cấp nước có nguồn nước không ổn định	Sở Xây dựng	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã và thành phố	Năm 2024
32	Tổ chức thực hiện việc điều phối mạng cấp nước chính phù hợp với tình hình phát triển mở rộng đô thị Quy Nhơn về hướng Bắc và Tây Bắc đảm bảo cấp nước an toàn khai thác hiệu quả các nhà máy cấp nước hiện hữu	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định	Sở Xây dựng	Năm 2025
33	Phối hợp, đề xuất phương án xây dựng giá nước sạch cho khu vực đô thị và nông thôn đối với các dự án cấp nước liên vùng phù hợp quy định hiện hành của Bộ Tài chính	Sở Tài chính	Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và PTNT	Khi các dự án cấp nước liên vùng đi vào hoạt động

34	Xây dựng đề án cho các đô thị chịu ảnh hưởng trực tiếp lũ thượng nguồn từ các tuyến sông chính và nước biển dâng do biến đổi khí hậu cần nghiên cứu các giải pháp nạo vét, mở rộng lòng dẫn kết hợp công trình đê, kè chống ngập đô thị. Ưu tiên sử dụng một số giải pháp mềm cho một số tuyến sông qua đô thị	Sở Nông nghiệp và PTNT	Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT và địa phương có liên quan	Năm 2025
35	Đầu tư xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt với công nghệ tiên tiến thân thiện với môi trường gắn với hệ thống thoát nước mặt chống ngập cục bộ cho đô thị An Nhơn, Hoài Nhơn và Tây Sơn	Ban QLDA Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan	Năm 2030
36	Tăng tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt phù hợp công suất nhà máy xử lý trên địa bàn thành phố Quy Nhơn	UBND thành phố Quy Nhơn	Sở Xây dựng	Giai đoạn năm 2025÷2030
37	Xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Xây dựng, UBND cấp huyện	Năm 2024
38	Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo theo vùng với công suất phù hợp, công nghệ xử lý hiện đại thu gom triệt để rác thải, từng bước đóng cửa và thay thế các hình thức chôn lấp không hợp vệ sinh	UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Xây dựng	Giai đoạn năm 2025÷2030
39	Quy hoạch và quản lý một số bãi tập kết để tận dụng nâng nền gắn với giải pháp nghiên cứu tận thu, tái chế chất thải rắn xây dựng	Sở Xây dựng	Các sở, ban và UBND cấp huyện có liên quan	Giai đoạn năm 2025÷2030
40	Xây dựng và hoàn thiện kế hoạch xây dựng mới, đóng cửa và di dời một số nghĩa trang nhằm đảm bảo môi trường và cảnh quan cho các đô thị. Ưu tiên các hình thức táng tiên tiến, thân thiện môi trường	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện có liên quan	Năm 2023
41	Rà soát, hoàn thiện chính sách hỗ trợ hỏa táng	Sở Xây dựng	Sở TC, UBND thị xã Hoài Nhơn	Năm 2023
42	Đầu tư lò hỏa táng khu vực phía Bắc tỉnh	UBND thị xã Hoài Nhơn	Sở Xây dựng	Năm 2024

43	Triển khai thực hiện việc đầu tư, lắp đặt và vận hành các trạm quan trắc môi trường tự động trên địa bàn tỉnh <i>(đã và đang triển khai 01 trạm tại Ngã 3 Cầu Gành, huyện Tuy Phước và 01 trạm tại phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn)</i>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Ban QLDA DD&CN và địa phương có liên quan	Hàng năm
44	Hoàn thành danh mục cây trồng, hạn chế và cấm trồng với chủng loại phong phú, đa dạng, phù hợp khí hậu và vùng miền, địa phương; xây dựng hoàn thành kế hoạch phát triển cây xanh các đô thị và danh mục cây bảo tồn trên địa bàn tỉnh làm cơ sở đảm bảo tiêu chí đến năm 2030 đạt 10m ² /người.	Sở Xây dựng	UBND cấp huyện	2023
45	Xây dựng đề án duy trì, phát triển hệ sinh thái rừng ngập mặn đầm Thị Nại, Đề Gi trở thành không gian sinh thái cho đô thị và phục vụ phát triển kinh tế xã hội	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở TNMT, XD và UBND cấp huyện có liên quan	Năm 2025
46	Đầu tư xây dựng một số công viên cây xanh cảnh quan khu vực nội thị các đô thị loại III trở lên để cải thiện môi trường khí hậu và tạo điều kiện người dân tiếp cận sử dụng, nâng cao đời sống người dân đô thị <i>(theo Kế hoạch phát triển cây xanh được UBND tỉnh phê duyệt)</i>	UBND thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn và Hoài Nhơn	Sở Xây dựng	Năm 2025
47	Rà soát tiêu chí chuẩn phân loại đô thị liên quan đến cơ sở hạ tầng xã hội về y tế, giáo dục, đào tạo và công trình văn hóa cấp đô thị của các đô thị loại III trở lên	UBND thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn và Hoài Nhơn	Sở Xây dựng	Năm 2024
48	Khắc phục tình trạng thiếu trường, thiếu lớp hiện nay nhất là giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông tại các đô thị; đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng xã hội về y tế giáo dục đối với các khu đô thị, các khu dân cư mới	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế	Năm 2030
49	Xây dựng cơ sở hạ tầng hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở, mạng lưới khám chữa bệnh bao phủ rộng khắp và từng	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành và địa phương có liên	Năm 2030

	bước đồng bộ, đảm bảo công tác phòng bệnh và chữa bệnh cho người dân; đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh và một số bệnh viện chuyên khoa trở thành bệnh viện có chất lượng cao của khu vực Duyên hải Nam Trung bộ và Bắc Tây nguyên		quan	
50	Rà soát, thực hiện kế hoạch ngầm hóa hệ thống lưới điện, cáp viễn thông, thông tin liên lạc và thông tin điều khiển để chuẩn bị hạ tầng phục vụ công tác phát triển đô thị thông minh; đề xuất đầu tư xây dựng một số công trình hạ tầng dùng chung cho đô thị loại III trở lên	Sở Xây dựng	Sở ngành có liên quan	Năm 2030
51	Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển hạ tầng khung đô thị từ loại III trở lên đảm bảo bền vững, tích ứng BDKH, xanh và thông minh	UBND thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn và thành phố Quy Nhơn	Sở Xây dựng và các sở có liên quan	Năm 2025 <i>(sau khi hoàn thành quy hoạch phân khu)</i>
52	Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2030 theo Đề án phát triển đô thị Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 - 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 438/QĐ-TTg ngày 25/3/2021	Sở Xây dựng; UBND thị xã Hoài Nhơn, UBND huyện Phù Mỹ	Các Sở ngành có liên quan	Hàng năm đến 2030
53	Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đến năm 2030 theo Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững Việt Nam giai đoạn 2018 - 2025 và định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 950/QĐ-TTg ngày 01 tháng 8 năm 2018	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở ngành có liên quan	Hàng năm đến 2030
VI	Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị và chất lượng cuộc sống đô thị, đảm bảo an sinh và phúc lợi xã hội, an ninh, an toàn và trật tự đô thị			
54	Xác định chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đầu mối về phát triển đô thị theo nghị định số theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành có liên quan	Năm 2025

55	Xây dựng văn hóa và lối sống đô thị văn minh, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của người dân, chú trọng tạo nhiều không gian văn hóa công cộng; bố trí đủ quỹ đất và ngân sách hợp lý, ràng buộc rõ trách nhiệm của các chủ đầu tư các khu đô thị đối với việc xây dựng các thiết chế văn hóa, thể thao cho cư dân	Sở Văn hóa và Thể thao	Các sở, ban, ngành có liên quan	2024
56	Tổ chức triển khai thực hiện chính sách đảm bảo cho lao động nông thôn di cư, lao động phi chính thức được tiếp cận bình đẳng, có cơ hội phát triển và hưởng thụ công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản tại đô thị; Rà soát hoàn thiện chính sách hỗ trợ học tập, dạy nghề, việc làm cho người dân bị thu hồi quyền sử dụng đất trong quá trình đô thị hóa	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố có liên quan	Hàng năm
57	Xây dựng và ban hành quy chế bàn giao và tiếp nhận các công trình hạ tầng kỹ thuật tại các khu đô dân cư, khu đô thị	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành có liên quan	Năm 2024
VII	Phát triển kinh tế khu vực đô thị			
58	Các đô thị từ loại V trở lên xây dựng thương hiệu đặc thù từng vùng miền, gắn với sản phẩm chiến lược có thể mạnh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế đô thị.	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành có liên quan	Giai đoạn năm 2023÷2030
59	Thực hiện việc di dời các cơ sở sản xuất chế biến gây ô nhiễm hoặc có nguy cơ ảnh hưởng đến an toàn cho người dân ra khỏi trung tâm các đô thị từ loại III trở lên	Sở Công thương, UBND thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn và Hoài Nhơn	Các sở, ban, ngành có liên quan	Giai đoạn năm 2023÷2025
60	Đề xuất việc quy hoạch, sử dụng đúng mục và hiệu quả từ việc mở rộng không gian đô thị, đặc biệt là quỹ đất hai bên các tuyến đường giao thông tạo nguồn thu cho phát triển đô thị	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan	Hàng năm và theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền
61	Đề xuất đầu tư xây dựng, tạo bước đột phá để nâng cao vai trò động lực, cực	Các Sở Xây dựng, Giao	Các sở, ban, ngành và địa	Hàng năm đến 2030

	tăng trưởng của chuỗi đô thị phía Nam của tỉnh (<i>Quy Nhơn, An Nhơn, Tuy Phước, Cát Tiến, Canh Vinh</i>), các đô thị loại IV trở lên nhằm phát triển kinh tế đô thị	thông, Kế hoạch và Đầu tư	phương có liên quan	
62	Quy hoạch, đầu tư xây dựng các điểm kinh tế ban đêm các đô thị	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Các sở, ban, ngành có liên quan	Đổi các đô thị loại III: hoàn thành năm 2025; các đô thị còn lại đến năm 2030
63	Chủ động triển khai thực việc mở rộng, nâng tầm quan hệ của Tỉnh với các địa phương nước ngoài, các tập đoàn kinh tế, tổ chức tài chính quốc tế nhằm phát huy tối đa nội lực, tiềm năng và lợi thế của đô thị tỉnh Bình Định, trong đó chú trọng giới thiệu chuỗi đô thị động lực phía Nam tỉnh Bình Định và chuỗi đô thị ven đầm Đề Gi	Sở Ngoại vụ	Văn phòng UBND tỉnh, Sở KH&ĐT, các sở, địa phương theo từng lĩnh vực	Hàng năm theo Kế hoạch